TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **375**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08/11/2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Ngọc Phượng**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Thanh Hùng**

2. Ông **Nguyễn Quốc Thanh**

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Trong ngày **08** tháng **11** năm **2018** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A mở phiên toà xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2018/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 về việc " *Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 490/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 538/2018/QĐST – HNGĐ ngày 18/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1991

ĐKNKTT: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 131/8, đường Đ, Phường B, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Phan Văn Q**, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa đương sự bà H có mặt; đương sự ông Q vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai, bà Nguyễn Thị H trình bày: Hôn nhân của bà với ông Phan Văn Q là do cha mẹ định đoạt, tổ chức lễ cưới vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang ngày 20/4/2015. Trong thời gian sống chung, bà và ông Q thường xuyên cải vả, ông Q còn đánh bà, đến tháng 3/2016 khi bà mang thai cháu Nguyễn Mạnh C được khoảng 05 tháng thì bà bỏ đi và ly thân với ông Q cho đến này. Trong thời gian ly thân và khi bà sinh cháu C ngày 05/6/2016, bà và ông Q cũng không tới lui hàn gắn tình cảm được. Bà với ông Q không còn tình cảm và không thể sống chung, nên bà yêu cầu xin ly hôn.

Về con chung: Bà với ông Q có 01 con chung tên Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 05/6/2016, hiện cháu C đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu C và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ bà H cung cấp cho Tòa án gồm: Trích lục kết hôn, giấy khai sinh, sổ hộ khẩu gia đình, chứng minh nhân dân (tất cả bản sao).

Trong vụ án này, Tòa án ra thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo phiên hòa giải thì ông Phan Văn Q vắng mặt, cũng như không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản ghi nhận sự vắng mặt của đương sự và không tiến hành hòa giải được thì bà H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn; yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Mạnh C và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con; xác định không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án.

Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 05/7/2018, bà Nguyễn Thị N- hàng xóm ông Q cung cấp: Theo bà biết thì bà H và ông Q sống chung nhau năm 2015, có tổ chức lễ cưới. Tuy nhiên bà H và ông Q thường xuyên cải vả, mâu thuẫn nhau nên hiện tại đã không còn sống chung. Theo bà khả năng hàn gắn của bà H và ông Q là không thể. Bà H và ông Q có 01 con chung khoảng 02 (*hai)* tuổi, hiện do bà H nuôi dạy. Về tài sản chung và nợ chung thì bà không biết.

Biên bản xác minh ngày 27/9/2018, bà Trần Thị S – Công an viên, Công an xã P, huyện A, tỉnh An Giang cung cấp: Ông Q vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp P,

xã P, huyện A, tỉnh An Giang theo hồ sơ hộ khẩu số 7503 do ông Phan Việt H làm chủ hộ.

Tại phiên toà hôm nay: Bà H vẫn yêu cầu xin ly hôn với ông Q; yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Mạnh C và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung; xác định không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Q vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử (HĐXX) nghĩ nên xét xử vắng mặt ông Q theo Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H; về con chung giao cháu Nguyễn Mạnh C cho bà H nuôi dạy, công nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung xác định không có, nên không xem xét giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì giải quyết bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn Q có tổ chức lễ cưới năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang ngày 20/4/2015, là hôn nhân hợp pháp, ông Phan Văn Q cư trú trên địa bàn huyện A, nên yêu cầu xin ly hôn của bà H được tòa án thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và ông Q tiến tới hôn nhân là do cha mẹ định đoạt, có tổ chức lễ cưới vào năm 2015, sống chung nhưng giữa bà H và ông Q thường xuyên cải vả, mâu thuẫn nhau, đến khoảng tháng 3/2016 thì ly thân cho đến nay, điều này cũng được bà Nga – hàng xóm sống gần nhà ông Q xác nhận. Hôn nhân giữa bà H và ông Q không xuất phát từ tình yêu, không có tiếng nói chung, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, thời gian ly thân quá lâu, do đó việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ.

[3] *Về con chung*: Bà H trình bày có 01 con chung là cháu Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 05/6/2016. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu C và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung. Xét cháu C dưới 36 tháng tuổi, do đó việc bà H nuôi dạy là phù hợp. Sau này ông Q có yêu cầu thì giải quyết bằng một vụ án khác. Công nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà H xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]*Về án phí*: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phan Văn Q.

Về con chung: Bà H được tiếp tục nuôi dạy một con chung tên Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 05/6/2016. Công nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) mà bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0003031 ngày 11/6/2018 (bà H đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/11/2018) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn

kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

***Nơi nhận*:**
- Toà án tỉnh;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- UBND xã, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Ngọc Phượng